

**BIỂU THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG SANG MỤC ĐÍCH KHÁC ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH
ĐƯỜNG VEN BIỂN DUNG QUẤT - SA HUỖNH, GIAI ĐOẠN IIB, ĐOẠN KM76+230 - KM82+000**

(Kèm theo Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Xã	Tiểu khu	K	Lô	Diện tích (m ²)	QHPH (m ²)	QHSX (m ²)	Chức năng	Trạng thái	Loài cây	M (m ³ /ha)	Chủ rừng	Nguồn vốn
5	Lân Phong	311	3	5	342	342		PH	TGC	Phi lao	47,32	UBND xã	NSNN
6	Lân Phong	311	3	6	8.266		8.266	SX	TGC	Phi lao	47,32	UBND xã	NSNN
8	Lân Phong	311	3	8	11.158		11.158	SX	TGC	Phi lao	81,30	UBND xã	NSNN
9	Lân Phong	311	3	9	3.806		3.806	SX	TGC	Phi lao	7,60	UBND xã	NSNN
10	Lân Phong	311	3	10	1.463		1.463	SX	TGC	Phi lao	6,55	UBND xã	NSNN
11	Lân Phong	311	3	11	569		569	SX	TGC	Keo lai	67,01	HGĐ	HGĐ
14	Lân Phong	311	4	1	261		261	SX	TGC	Keo lai	67,01	HGĐ	HGĐ
15	Lân Phong	311	4	2	23.283		23.283	SX	TGC	Phi lao	78,25	UBND xã	NSNN
19	Lân Phong	311	7	2	11.375		11.375	SX	TGC	Phi lao	48,26	UBND xã	NSNN
21	Lân Phong	311	7	4	5.319		5.319	SX	TGC	Phi lao	10,1	UBND xã	NSNN
22	Lân Phong	311	7	5	262		262	SX	TGC	Keo lai	7,24	HGĐ	HGĐ
23	Lân Phong	311	7	6	2.727		2.727	SX	TGC	Phi lao	41,76	UBND xã	NSNN
24	Lân Phong	311	7	7	1.273		1.273	SX	TGC	Keo lai	21,78	HGĐ	HGĐ
25	Lân Phong	311	7	8	2.673		2.673	SX	TGC	Phi lao	85,05	UBND xã	NSNN
26	Lân Phong	311	7	9	8.505		8.505	SX	TGC	Phi lao	1,5	UBND xã	NSNN
30	Mỏ Cày	306	5	2	773	773		PH	TGC	Phi lao	77,68	UBND xã	NSNN
	Cộng				82.055	1.115	80.940						

Ghi chú:

- Tổng diện tích: **8,2055 ha**, trong đó:
- ` - Quy hoạch rừng phòng hộ: 0,1115 ha
- ` - Quy hoạch rừng sản xuất: 8,094 ha